

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp MH, xã MHĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 26, Tổ 25, ấp MHB, xã MHĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Trường V, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp MH, xã MHĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày, tôi và ông V do tự quen biết, đi đến hôn nhân vào năm 2004, có thực hiện đăng ký kết hôn tại xã MHĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 29/01/2004, sau khi kết hôn hai vợ chồng đi làm việc tại Bình

Dương, đến năm 2014 hai vợ chồng chuyển về xã MHD sống, cả hai sống hạnh phúc thời gian ngắn, nhưng vì con, nên tôi tiếp tục chịu đựng, nguyên nhân là do ông V thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều cự cãi; từ năm 2018 đến nay giữa hai vợ chồng đã tự sống ly thân, không còn chung sống với nhau. Nay, tình cảm không còn, nên đề nghị ly hôn với ông V.

Hiện nay, tôi đang sống bên gia đình mẹ ruột tại ấp MHB, xã MHD, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, ông V cũng biết việc tôi yêu cầu ly hôn, do tôi khi nộp đơn và trong giai đoạn Tòa án giải quyết vụ án, có điện báo cho ông V biết.

Quá trình chung sống tôi và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ph L, sinh ngày 08/03/2005, Nguyễn Trần G, sinh ngày 20/11/2014, khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Nay tôi đang làm nghề buôn bán, bán đồ ăn tại nhà, thu nhập hàng tháng ổn định, đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định cho ông V, nhưng ông V vắng mặt, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông V.

Tại phiên tòa,

- Bà Trần Thị Th trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà Th không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Th, ông V chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi bà Th gửi đơn khởi kiện, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có ý kiến về quan hệ hôn nhân, bà Th khẳng định không còn tình cảm, đề nghị ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông V theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu bà Th, giao cháu L, cháu Thịnh cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do bà Th không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước Trường V. Đồng thời, ông V có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Phước Trường V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa bà Th và ông V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (nay là Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th, ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Th xác định, quá trình chung sống từ năm 2018 đến nay cả hai đã có nhiều mâu thuẫn, nên cũng đã tự sống ly thân từ năm 2018, bà Th đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sống, nguyên nhân mâu thuẫn do ông V không chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều cự cãi.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm, giữa bà Th và ông V không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, sau thời gian mâu thuẫn, bà Th và ông V không hàn gắn tình cảm, từ năm 2018 đến nay cả hai cũng đã tự sống ly thân. Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho ông V, nhưng ông V không có phản hồi về yêu cầu ly hôn của bà Th, điều này thể hiện ông V không có ý nối lại tình cảm. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Th yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[2.2] Về con chung: Bà Th xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ph L, sinh ngày 08/03/2005, Nguyễn Trần G, sinh ngày 20/11/2014 hiện đang chung sống với bà Th, nên bà đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu L, cháu Thịnh đang sống chung với bà Th ổn định và phát triển tốt về thể chất, tinh thần, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã ghi nhận ý kiến của cháu L, cháu đề nghị được sống với mẹ, nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu L, Thịnh được phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu L, Thịnh cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Phước Trường V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Th;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Phước Trường V. Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 ngày 29/01/2004 do Ủy ban nhân dân xã MHĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Trần Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trần Ph L, sinh ngày 08/03/2005, Nguyễn Trần G, sinh ngày 20/11/2014. Ông Nguyễn Phước Trường V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Phước Trường V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/ 0009450 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 01 năm 2021; bà Trần Thị Th đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Phước Trường V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Th có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Phước Trường V là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã MHD, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên